



BẢN TIN THUẾ Số 0116 (Từ 04/01 – 09/01/2016)	Nội dung VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý	Trang
		1
		2,3



## VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ

Công văn 5483/TCT-CS Ngày 21/12/2015	Hướng dẫn chính sách thuế.
Công văn 5489/TCT-DNL Ngày 21/12/2015	Hướng dẫn thuế suất thuế GTGT dịch vụ bảo hiểm.
Công văn 5509/TCT-KK Ngày 22/12/2015	Hướng dẫn tạm hoãn thời gian nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
Công văn 5513/TCT-CS Ngày 22/12/2015	Hướng dẫn chính sách thuế.
Công văn 5514/TCT-CS Ngày 22/12/2015	Hướng dẫn chuyển hồ sơ.
Công văn 5521/TCT-KK Ngày 22/12/2015	Hướng dẫn đăng ký thuế đối với tổ chức khoa học và công nghệ.
Công văn 5515/TCT-CS Ngày 22/12/2015	Hướng dẫn ấn định thuế.
Công văn 5536/TCT-KK Ngày 23/12/2015	Hướng dẫn khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
Công văn 5538/TCT-CS Ngày 23/12/2015	Hướng dẫn thuế GTGT.
Công văn 5560/TCT-KK Ngày 24/12/2015	Hướng dẫn kê khai, khấu trừ thuế GT.
Công văn 5561/TCT-KK Ngày 24/12/2015	Hướng dẫn thuế GTGT đối với hàng điều chuyển và hàng khuyến mại.
Công văn 5562/TCT-KK Ngày 24/12/2015	Hướng dẫn tiền chậm nộp đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
Công văn 5565/TCT-CS Ngày 25/12/2015	Hướng dẫn chính sách thuế.
Công văn 5566/TCT-CS Ngày 25/12/2015	Hướng dẫn chính sách thuế.
Công văn 5619/TCT-CS Ngày 28/12/2015	Hướng dẫn thuế GTGT.
Công văn 5599/TCT-KK Ngày 28/12/2015	Hướng dẫn hoàn thuế GTGT.

## VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý



## Hướng dẫn thuế suất thuế GTGT dịch vụ bảo hiểm.

Công văn 5489/TCT-DNL  
Ngày 21/12/2015

## Hướng dẫn thuế GTGT.

Công văn 5538/TCT-CS  
Ngày 23/12/2015

## Hướng dẫn thuế GTGT.

Công văn 5619/TCT-CS  
Ngày 28/12/2015

Công văn này hướng dẫn thuế suất thuế GTGT dịch vụ bảo hiểm. Theo đó, trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm hàng hóa như sau:

1. Thuế GTGT áp dụng cho các đơn bảo hiểm hàng hóa đi từ một quốc gia đến một quốc gia khác không qua lãnh thổ Việt Nam (người được bảo hiểm và người yêu cầu bảo hiểm là các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam và đang hoạt động tại Việt Nam có hàng hóa tiêu dùng tại nước ngoài) áp dụng thuế suất GTGT là 0%.

2. Thuế suất GTGT áp dụng cho các đơn bảo hiểm hàng xuất khẩu đi từ kho hàng tại Việt Nam sang kho hàng tại một quốc gia khác (người được bảo hiểm và người yêu cầu bảo hiểm là các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam và đang hoạt động tại Việt Nam có hàng hóa tiêu dùng tại nước ngoài) và các đơn bảo hiểm hàng xuất khẩu với người được bảo hiểm là cá nhân, tổ chức nước ngoài và người yêu cầu bảo hiểm là các cá nhân, tổ chức tại Việt Nam thì: Thuế suất 0% áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ bảo hiểm thực hiện ở ngoài Việt Nam; Thuế suất 10% áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ bảo hiểm thực hiện ở Việt Nam; Trường hợp hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam và không xác định được giá tính thuế theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí thì dịch vụ bảo hiểm hàng hóa xuất khẩu trong trường hợp này áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

Công văn này hướng dẫn thuế GTGT. Theo đó, điều kiện khấu trừ thuế GTGT:

1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu theo giá đã có thuế GTGT.

Công văn này Hướng dẫn thuế GTGT. Theo đó, tiêu thức “người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)”. Riêng đối với việc mua hàng không trực tiếp như: Mua hàng qua điện thoại, qua mạng, FAX thì người mua hàng không nhất thiết phải ký, ghi rõ họ tên trên hóa đơn. Khi lập hóa đơn tại tiêu thức “người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)”, người bán hàng phải ghi rõ là bán hàng qua điện thoại, qua mạng, FAX.

Khi lập hóa đơn cho hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn không nhất thiết phải có chữ ký của người mua nước ngoài.



## Hướng dẫn về hoàn thuế GTGT.

**Công văn 5599/TCT-KK  
Ngày 28/12/2015**

Công văn này hướng dẫn về hoàn thuế GTGT. Theo đó,

1. Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng ưu tiên chi hoàn thuế theo công văn số 13822/BTC-TCT ngày 02/10/2015 và công văn số 18832/BTC-TCT ngày 17/12/2015 của Bộ Tài chính nêu trên được hoàn thuế nhưng có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ và cơ quan Thuế đã ban hành Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước thì ngày ghi trên Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước được xác định là ngày người nộp thuế đã nộp thuế. Theo đó, thời gian kể từ ngày cơ quan Thuế ban hành Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước đến ngày người nộp thuế nhận được tiền hoàn thuế không phải tính tiền chậm nộp.

2. Về vấn đề vướng mắc của Cục Thuế liên quan đến:

- Xác định đối tượng không hoàn thuế: Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 18832/BTC-TCT ngày 17/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung công văn số 10492/BTC-TCT và công văn số 13822/BTC-TCT.

- Khai thuế đối với dự án đầu tư: Tổng cục Thuế đã có công văn số 4943/TCT-KK ngày 23/11/2015 về việc hướng dẫn một số vướng mắc về khai thuế và khai bổ sung hồ sơ khai thuế.